


# THÔNG TIN TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC CMC NĂM 2026

## 1. Ngành/Chương trình đào tạo và mã xét tuyển

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2026					 <b>CMC UNIVERSITY</b> <small>Aspire to Inspire the Digital World</small>	
<b>Chỉ tiêu: 2.315 sinh viên</b>					<b>MÃ TRƯỜNG: CMC</b>	
MÃ XT	LĨNH VỰC/NGÀNH/CHƯƠNG TRÌNH	CƠ SỞ HÀ NỘI	CƠ SỞ TP.HCM	CHỈ TIÊU	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	
<b>MÁY TÍNH VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>				<b>1.083</b>		
IT	Công nghệ Thông tin	x	x	278	Toán x 2 + 2 môn bất kỳ	
NS	An ninh Mạng	x				
CS	Khoa học Máy tính	x	x	250		
AI	Trí tuệ Nhân tạo	x	x	155		
SE	Kỹ thuật Phần mềm	x		400		
<b>CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT</b>				<b>84</b>		
EC	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông (Thiết kế vi mạch bán dẫn)	x	x	84	Toán x 2 + Lý + môn bất kỳ hoặc Toán x 2 + Hóa + môn bất kỳ	
<b>KINH DOANH VÀ QUẢN LÝ</b>				<b>515</b>		
BA	Quản trị Kinh doanh	x	x	275	Toán x 2 + 2 môn bất kỳ hoặc Văn x 2 + 2 môn bất kỳ	
IB	Kinh doanh Quốc tế	x				
LS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	x	x			
MK	Digital Marketing	x	x	240		
EM	Thương mại Điện tử	x				
<b>BÁO CHÍ VÀ TRUYỀN THÔNG</b>				<b>120</b>		
MC	Truyền thông Đa phương tiện	x		120	Toán x 2 + 2 môn bất kỳ hoặc Văn x 2 + 2 môn bất kỳ	
PR	Quan hệ Công chúng	x				
<b>NGHỆ THUẬT</b>				<b>103</b>		
GD	Thiết kế Đồ họa	x	x	103	Toán x 2 + 2 môn bất kỳ hoặc Văn x 2 + 2 môn bất kỳ	
GA	Đồ họa Game	x				
DA	Thiết kế Mỹ thuật số	x				
<b>NHÂN VĂN</b>				<b>410</b>		
CL	Ngôn ngữ Trung Quốc	x		330	Toán x 2 + 2 môn bất kỳ hoặc Văn x 2 + 2 môn bất kỳ	
CB	Tiếng Trung Thương mại	x				
CL-IP	Ngôn ngữ Trung quốc (Chương trình 2+2 giữa CMC và CNU)	x				
KL	Ngôn ngữ Hàn Quốc	x		80		

Thí sinh lựa chọn môn bất kỳ trong danh sách sau: Toán, Ngữ văn, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Ngoại ngữ, Địa lí, Lịch sử, Giáo dục kinh tế - pháp luật, Tin học, Công nghệ.

## 2. Phương thức tuyển sinh 2026

**Phương thức 1 (CMC401): Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực Trường Đại học CMC (CMC-TEST) năm 2026.**

Bài thi Đánh giá năng lực của Trường Đại học CMC là bài thi trắc nghiệm trên máy tính, có cấu trúc gồm: Toán học (30 câu), Tiếng Anh (30 câu) và Tư duy logic (20 câu).

**Phương thức 2 (CMC200): Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT với điểm trung bình (TB) môn theo tổ hợp môn xét tuyển, không cộng điểm ưu tiên và đảm bảo ngưỡng đảm bảo chất lượng của Bộ GD&ĐT.**

– Điểm xét tuyển (thang điểm 40) được tính theo công thức như sau:

**Đối với thí sinh không có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (CCNNQT):**

*Các ngành Máy tính và Công nghệ thông tin:*

Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Toán  $\times$  2 + Điểm TB môn 2 + Điểm TB môn 3 + Điểm cộng (nếu có).

*Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử – Viễn thông (Thiết kế vi mạch bán dẫn):*

Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Toán  $\times$  2 + Điểm TB môn Lý/Hóa + Điểm TB môn 3 + Điểm cộng (nếu có).

*Các ngành khác:*

Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Toán  $\times$  2 + Điểm TB môn 2 + Điểm TB môn 3 + Điểm cộng (nếu có).

Hoặc:

Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Văn  $\times$  2 + Điểm TB môn 2 + Điểm TB môn 3 + Điểm cộng (nếu có).

Trong đó, điểm TB được tính như sau: Điểm TB môn = (ĐTB môn năm lớp 10 + ĐTB môn năm lớp 11 + ĐTB môn năm lớp 12)/3.

**Đối với thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ Quốc tế (CCNNQT):**

*Các ngành Máy tính và Công nghệ thông tin:*

Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Toán  $\times$  2 + Điểm TB môn 2 + Điểm quy đổi CCNNQT + Điểm cộng (nếu có).

*Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử – Viễn thông (Thiết kế vi mạch bán dẫn):*

Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Toán  $\times$  2 + Điểm TB môn Lý/Hóa + Điểm quy đổi CCNNQT + Điểm cộng (nếu có).

*Các ngành khác:*

Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Toán  $\times$  2 + Điểm TB môn 2 + Điểm quy đổi CCNNQT + Điểm cộng (nếu có).

Hoặc:

Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Văn  $\times$  2 + Điểm TB môn 2 + Điểm quy đổi CCNNQT + Điểm cộng (nếu có).

**Phương thức 3 (CMC100): Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT, cộng điểm ưu tiên (nếu có).**

**– Điểm xét tuyển (thang điểm 40) được tính theo công thức như sau:**

***Đối với thí sinh không có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (CCNNQT):***

*Các ngành Máy tính và Công nghệ thông tin:*

Điểm xét tuyển = Điểm thi môn Toán  $\times$  2 + Điểm thi môn 2 + Điểm thi môn 3 + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có).

*Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử – Viễn thông (Thiết kế vi mạch bán dẫn):*

Điểm xét tuyển = Điểm thi môn Toán  $\times$  2 + Điểm thi môn Lý/Hóa + Điểm thi môn 3 + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có).

*Các ngành khác:*

Điểm xét tuyển = Điểm thi môn Toán  $\times$  2 + Điểm thi môn 2 + Điểm thi môn 3 + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có).

Hoặc:

Điểm xét tuyển = Điểm thi môn Văn  $\times$  2 + Điểm thi môn 2 + Điểm thi môn 3 + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có).

***Đối với thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ Quốc tế (CCNNQT):***

*Các ngành Máy tính và Công nghệ thông tin:*

Điểm xét tuyển = Điểm thi môn Toán  $\times$  2 + Điểm thi môn 2 + Điểm quy đổi CCNNQT + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có).

*Đối với ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử – Viễn thông (Thiết kế vi mạch bán dẫn):*

Điểm xét tuyển = Điểm thi môn Toán  $\times$  2 + Điểm thi môn Lý/Hóa + Điểm quy đổi CCNNQT + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có).

*Các ngành khác:*

Điểm xét tuyển = Điểm thi môn Toán  $\times$  2 + Điểm thi môn 2 + Điểm quy đổi CCNNQT + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có).

Hoặc:

Điểm xét tuyển = Điểm thi môn Văn  $\times$  2 + Điểm thi môn 2 + Điểm quy đổi CCNNQT + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có).

**Phương thức 4 (CMC303): Xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT và theo đề án tuyển sinh của Trường Đại học CMC.**

**Đối tượng TT1:** Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng được xét tuyển thẳng vào ngành học phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải.

**Đối tượng TT2:** Các đối tượng khác thuộc diện tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 Thông tư 08/2022/TT-BGD&ĐT.

**Đối tượng TT3:** Thí sinh có tên trong danh sách tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi hoặc cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, thành phố (trực thuộc trung ương) trong các năm từ 2023 – 2026 được xét tuyển thẳng vào ngành học phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải.

**Đối tượng TT4:** Thí sinh là học sinh thuộc các trường THPT chuyên và có kết quả học tập năm lớp 12 đạt loại Tốt được xét tuyển thẳng như sau:

- Các ngành Công nghệ, Kỹ thuật: thí sinh thuộc các khối chuyên Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin.
- Các ngành khác: thí sinh thuộc tất cả các khối chuyên.

**Đối tượng TT5:** Thí sinh được khen thưởng danh hiệu học sinh Giỏi ba năm lớp 10, 11, 12 được xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành.

**Đối tượng TT6:** Thí sinh có một trong các chứng chỉ quốc tế: SAT – Scholastic Assessment Test; ACT – American College Testing; A-Level – Cambridge International Examinations A-Level và đạt điểm tối thiểu theo quy định tại (Phụ lục 2). Các chứng chỉ quốc tế khác sẽ được Hội đồng tuyển sinh xem xét và phê duyệt theo từng trường hợp.

**Đối tượng TT7:** Thí sinh có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ sau đây:

- Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 6.0 trở lên hoặc tương đương (tham khảo bảng quy đổi tương đương tại Phụ lục 3) được xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành.
- Chứng chỉ tiếng Trung từ HSK4 trở lên được xét tuyển thẳng vào ngành Ngôn ngữ Trung Quốc hoặc Tiếng Trung thương mại.

- Chứng chỉ tiếng Hàn từ TOPIK II cấp độ 4 (158 – 165) trở lên được xét tuyển thẳng vào ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc.

### **3. Đăng ký tham dự kỳ thi đánh giá năng lực của Trường Đại học CMC**

**Bước 1:** Thí sinh chuẩn bị hồ sơ là Bản PDF hoặc ảnh CCCD.

**Bước 2:** Truy cập website: [thituyen.cmcu.edu.vn](http://thituyen.cmcu.edu.vn) và đăng ký tài khoản trên hệ thống (tài khoản và mật khẩu sẽ được gửi về email của thí sinh).

**Bước 3:** Đăng nhập, hoàn thành các trường thông tin còn thiếu và tải lên ảnh CCCD theo hướng dẫn trên hệ thống.

**Bước 4:** Rà soát và nộp hồ sơ thi tuyển.

### **4. Đăng ký hồ sơ xét tuyển**

*Cách 1: Nộp hồ sơ trực tuyến.*

**Bước 1:** Thí sinh chuẩn bị hồ sơ theo danh sách sau:

- Bản PDF hoặc ảnh kết quả học tập bậc THPT.
- Bản PDF hoặc ảnh CCCD.
- Bản PDF hoặc ảnh chứng chỉ ngoại ngữ, chứng nhận ưu tiên (nếu có).
- Bản PDF hoặc ảnh bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh đã tốt nghiệp trước năm 2026).
- Bản PDF hoặc ảnh giấy chứng nhận thành tích hoặc các giấy tờ liên quan (đối với thí sinh ĐKXT theo phương thức xét tuyển thẳng).

**Bước 2:** Truy cập website: [xettuyen.cmcu.edu.vn](http://xettuyen.cmcu.edu.vn) và đăng ký tài khoản trên hệ thống (tài khoản và mật khẩu sẽ được gửi về email của thí sinh).

**Bước 3:** Đăng nhập, lựa chọn phương thức xét tuyển, hoàn thành các trường thông tin còn thiếu và tải lên hồ sơ theo hướng dẫn trên hệ thống.

**Bước 4:** Rà soát và nộp hồ sơ xét tuyển.

*Cách 2: Nộp hồ sơ trực tiếp tại văn phòng Trường hoặc gửi qua đường bưu điện.*

**Bước 1:** Thí sinh chuẩn bị hồ sơ theo danh sách sau:

- Bản photocopy/scan kết quả học tập bậc THPT.
- Bản photocopy/scan bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh đã tốt nghiệp trước năm 2026).
- Bản photocopy/scan CCCD.

- Bản photocopy/scan chứng chỉ ngoại ngữ, chứng nhận ưu tiên (nếu có).
- Bản photocopy/scan giấy chứng nhận thành tích hoặc các giấy tờ liên quan (đối với thí sinh ĐKXT theo phương thức xét tuyển thẳng).

**Bước 2:** Thí sinh nộp trực tiếp hoặc gửi hồ sơ theo đường bưu điện về văn phòng tuyển sinh Trường Đại học CMC theo địa chỉ: Số 84C, Đường Nguyễn Thanh Bình, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

## **5. Chính sách ưu tiên**

Điểm ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực: theo quy định của Bộ GD&ĐT.

## **6. Thông tin điểm cộng dành cho thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học CMC năm 2026**

*Dành cho thí sinh đoạt giải trong các kỳ thi Học sinh giỏi và Khoa học kỹ thuật:*

Áp dụng với giải thi từ năm 2023 – 2026 và thí sinh có môn đoạt giải phù hợp với ngành học mà thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học CMC.

TT	THÀNH TÍCH/ GIẢI THƯỞNG	ĐIỂM CỘNG
1	Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi Học sinh giỏi và Khoa học kỹ thuật cấp Quốc gia, Quốc tế	2,00
2	Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi Học sinh giỏi và Khoa học Kỹ thuật cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW	1,50
3	Đạt giải Khuyến khích trong các kỳ thi Học sinh giỏi và Khoa học Kỹ thuật cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW	1,00
4	Thí sinh đạt giải trong các cuộc thi HSG/KHKT/STEM... khác	0,50

*Dành cho thí sinh có điểm thi năng khiếu:*

TT	THÀNH TÍCH/ GIẢI THƯỞNG	ĐIỂM CỘNG
1	Thí sinh có điểm thi năng khiếu vẽ đạt 7,0 trở lên (với thí sinh đăng ký xét tuyển vào khối ngành Mỹ thuật)	2,00
2	Thí sinh có điểm thi năng khiếu vẽ đạt 6,5 trở lên (với thí sinh đăng ký xét tuyển vào khối ngành Mỹ thuật)	1,50
3	Thí sinh có điểm thi năng khiếu vẽ đạt 6,0 trở lên (với thí sinh đăng ký xét tuyển vào khối ngành Mỹ thuật)	1,00
4	Thí sinh có điểm thi năng khiếu vẽ đạt 5,5 trở lên (với thí sinh đăng ký xét tuyển vào khối ngành Mỹ thuật)	0,50

*Quy định về điểm cộng:*

- Tổng điểm cộng không vượt quá 2,00 điểm cho thang điểm
- Thí sinh đạt nhiều thành tích, có nhiều điểm cộng nhưng chỉ được tính 01 lần với mức điểm/thành tích cao nhất.
- Điểm cộng được tính trước khi cộng điểm ưu tiên (ưu tiên khu vực, đối tượng) để đảm bảo thống nhất, đồng bộ theo đúng quy định tại Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học CMC.

## **6. Chính sách học bổng và hỗ trợ tài chính**

Trường Đại học CMC dành quỹ học bổng “CMC-Vì bạn xứng đáng” trị giá 96 tỷ đồng cho các thí sinh tài năng nhập học hệ đại học chính quy năm 2026. Xem chi tiết tại: [cmcu.edu.vn/chinh-sach-hoc-bong/](http://cmcu.edu.vn/chinh-sach-hoc-bong/).

## **7. Lệ phí thi tuyển, xét tuyển**

- Phí đăng ký thi tuyển kỳ thi Đánh giá Năng lực Trường Đại học CMC: Miễn phí.
- Phí đăng ký xét tuyển: 50.000 VNĐ/ thí sinh.
- Phí giữ học bổng, ưu đãi: 5.000.000 VNĐ/ thí sinh (được trừ vào học phí khi thí sinh nhập học chính thức tại Trường Đại học CMC nếu thí sinh thuộc diện được cấp học bổng, ưu đãi).
- Phí đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT: Nộp lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT.

## 8. Thời gian tuyển sinh 2026

### 8.1. Đối với thí sinh tham gia kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2026 của Trường Đại học CMC (CMC-TEST).

Thời gian đăng ký và tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực Trường Đại học CMC năm 2026 (CMC-TEST) như sau:

Đợt	Thời gian đăng ký thi CMC - Test	Ngày thi
1	Từ 01/03 – 25/03/2026	Ngày thi 13, 27, 28/03/2026
2	Từ 01/04 – 20/04/2026	Ngày thi 10, 11, 24, 25/04/2026
3	Từ 01/05 – 25/05/2026	Ngày thi 15, 16, 29/05/2026

### 8.2. Đối với thí sinh tham gia xét tuyển bằng phương thức 1, 2 và 4.

- Đăng ký hồ sơ tại Trường Đại học CMC: Từ 01/03 – 30/06/2026.
- Đăng ký nguyện vọng tại Hệ thống xét tuyển của Bộ GD&ĐT: Từ 02/07 – 14/07/2026.
- Đăng ký xét bổ sung (nếu có): Từ 22/08/2026.

### 8.3. Đối với thí sinh tham gia xét tuyển bằng phương thức 3.

Thí sinh đăng ký và xét tuyển theo lịch trình của Bộ GD&ĐT công bố.

### 8.4. Đối với thí sinh tham gia xét tuyển bổ sung (nếu có).

Thí sinh đăng ký trực tiếp tại hệ thống xét tuyển của Trường Đại học CMC theo lịch trình của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học CMC.

**PHỤ LỤC 1** Bảng quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ ra điểm dùng để ĐKXT vào Trường đại học CMC năm 2026 (Chứng chỉ ngoại ngữ còn giá trị sử dụng đến tháng 10/2026)

TT	IELTS	HSK	TCF	JLPT	TOPIK (thang 300)	Điểm quy đổi
1	5.0	Cấp 4	-	-	-	8,00
2	5.5		400 - 420	N3(95 - 120)	Cấp 4 (150 - 157)	8,50
3	6.0		421 - 440	N3(121 - 140)	Cấp 4 (158 - 165)	9,00
4	6.5		441 - 450	N3(141 - 160)	Cấp 4 (166 - 173)	9,25
5	7.0	Cấp 5	451 - 470	N3(161 - 170)	Cấp 4 (174 - 181)	9,50
6	7.5		471- 490	N3(171 - 180)	Cấp 4 (182 - 189)	9,75
7	8.0 - 9.0	Cấp 6	≥ 491	N2, N1	Cấp 5 (≥ 190)	10,00

**PHỤ LỤC 2** Các chứng chỉ quốc tế thí sinh có thể dùng để ĐKXT vào Trường đại học CMC năm 2026

TT	Chứng chỉ quốc tế	Điểm tối thiểu	Thang điểm
1	SAT – Scholastic Assessment Test	1100/1600 hoặc 1450/2400	1600 hoặc 2400
2	ACT – American College Testing	22	36
3	A-Level - Cambridge International Examinations A-Level	C	E-A*

**PHỤ LỤC 3** Bảng quy đổi tương đương trình độ tiếng Anh quốc tế dùng để ĐKXT vào Trường đại học CMC năm 2026

TT	IELTS	TOEFL iBT	TOEFL ITP	Cambridge English Scale	PTE Academic	TOEIC	APTIS General	APTIS Advanced	CERF		
1	4.5	42	443	B1 Preliminary 140	43 – 58	275 R 275 L 120 S 120 W	131	110	B1		
	5.0										
2	5.5	72	543	B2 First 160	59 – 66	385 R 400 L 160 S 150 W	153	126	B2		
3	6.0				67 – 75					160	153
4	6.5	95	620	C1 Advanced 180	76 – 78	455 R 490 L 180 S 180 W	170	160	C1		
5	7.0				79 – 81					180	165
6	7.5				82 – 84					190	170
7	8.0	114		C2 Proficiency 200	85 – 86			178	C2		
8	8.5				87 – 88			>190		185	
9	9.0				89 – 90					200	

